

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HNGĐ

Ngày 06-11-2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thiệu

Bà Lê Thị Thanh Vân

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 10 và ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 331/TLST-HNGĐ ngày 14-6-2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20-9-2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/QĐST-HNGĐ ngày 08-10-2018; Thông báo tiếp tục tiến hành phiên tòa số 01/TB ngày 19-10-2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị T, sinh năm 1983; ĐKKHKT: số A - Th, phường Quang Trung, TP Hải Dương. Cư trú tại: số B - T, phường Th, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phí Tiến Th, sinh năm 1983. ĐKKHKT và trú tại: số B - T, phường Th, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và xét xử, nguyên đơn chị Chu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phí Tiến Th được tự do tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 16-3-2009 tại UBND phường Th, Tp Hải Dương. Anh

chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị phát hiện anh Th có mối quan hệ với người phụ nữ khác thông qua tin nhắn, qua điện thoại và việc anh Th đi chơi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 11 năm 2017 thì vợ chồng không cãi nhau nữa do chị không đề cập đến việc anh Th có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và anh Th vẫn sinh hoạt ăn uống chung sống cùng một nhà. Về kinh tế không mâu thuẫn, anh Th vẫn đưa tiền lương để chi tiêu sinh hoạt gia đình nhưng về tình cảm vợ chồng không có quan hệ tình cảm từ đầu năm 2016 đến nay; chị và anh Th chung sống cùng nhau vì trách nhiệm với các con. Chị đã 01 lần làm đơn ly hôn vào tháng 10/2017 sau lại rút đơn ly hôn nhưng anh Th vẫn không thay đổi về tình cảm, không vun đắp hạnh phúc gia đình. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là Phí Nguyên Q, sinh ngày 15/3/20y và Phí Anh D, sinh ngày 05-01-20x. Hiện đang ở với chị và anh Th cùng một nhà. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi 2 con chung, nếu không thỏa thuận được chị nuôi dưỡng cháu Phí Anh D, anh Th nuôi dưỡng cháu Phí Nguyên Q; không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Hiện chị đang làm tại Công ty TNHH TM thời trang HA, mức thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng đảm bảo nuôi con.

Về tài sản chung: chị và anh Th tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Phí Tiến Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T có đăng ký kết hôn ngày 16-3-2009. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn, chị T làm đơn ly hôn anh không có ý kiến gì. Anh Th đề nghị được vắng mặt trong các hoạt động tố tụng tại tòa.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Phí Nguyên Q, sinh ngày 15-3-20y và Phí Anh D, sinh ngày 05-01-20x. Giải quyết theo nguyện vọng của chị T.

Về tài sản: không có đề nghị gì.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu :

-Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật

tổ tụng dân sự. Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị T ly hôn anh Phí Tiến Th.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phí Anh D, sinh ngày 05-01-20x; anh Phí Tiến Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phí Nguyễn Q, sinh ngày 15-3-20y đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và chị T, anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng nhau.

Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Chị Chu Thị T có đơn khởi kiện nộp Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết về việc ly hôn và nuôi con chung. Anh chị đều trú tại: số B - T, phường Th, TP Hải Dương, TP Hải Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Bị đơn anh Phí Tiến Th có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[II] Về hôn nhân: Chị Chu Thị T và anh Phí Tiến Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố Hải Dương vào ngày 16-3-2009 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên toà, chị Chu Thị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Phí Tiến Th. HĐXX thấy rằng: Căn cứ vào các lời khai của chị T, lời khai của anh Th; lời trình bày của bà Bùi Thị T1 là di ruột của anh Th và là người chung sống cùng nhà với anh Th, chị T: Giữa chị T và anh Th về kinh tế không có mâu thuẫn; về tình cảm vợ chồng do chị T nghi ngờ anh Th có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn, bản thân chị T trình bày về việc này để xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đưa ra căn cứ và không đề nghị xem xét. Hiện tại anh Th, chị T và 02 con chung vẫn chung sống, sinh hoạt chung trong cùng một nhà, anh Thành vẫn đóng góp tiền hàng tháng nuôi con chung, vẫn chăm lo gia đình đưa đón con học hành. Đây là lần thứ hai chị T làm đơn ly hôn anh Th; chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chỉ

cùng sống chung, có trách nhiệm chung là vì các con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Th đều vắng mặt nhưng có ký vào đơn ly hôn ngày 08-10-2018 do chị T viết và ghi “Tôi đồng ý”.

Ý kiến của chính quyền địa phương: Anh Th và chị T có đăng ký kết hôn và sinh sống tại địa phương, do anh chị đều đi làm nhà nước ít khi có tiếp xúc nên việc anh chị có mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm bắt được. Anh Th và chị T vẫn chung sống tại khu dân cư. Nay chị T có đơn ly hôn anh Th đề nghị Tòa án hòa giải để đoàn tụ tránh tổn thương cho các con.

Từ các nhận định trên, có đủ cơ sở xác định: Trong cuộc sống chung giữa chị T và anh Th tuy về tình cảm có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nhưng quá trình Tòa án tạm ngừng phiên tòa theo yêu cầu của chị T thì chị T đã cung cấp đơn ly hôn, anh Th đã ký và đồng ý với các nội dung chị T trình bày tại Đơn ly hôn ngày 08-10-2018 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[III] Về nuôi con chung: Chị Chu Thị T và anh Phí Tiến Th xác định có 02 con chung là Phí Nguyên Q, sinh ngày 15-3-20y và Phí Anh D, sinh ngày 05-01-20x. Hiện các con đang ở cùng anh chị. Để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các con, xét khả năng kinh tế và nguyện vọng của chị T, anh Th nên cần giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phí Anh D, sinh ngày 05-01-20x; anh Phí Tiến Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phí Nguyên Q, sinh ngày 15-3-20y đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và chị T, anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng nhau.

[IV] Về quan hệ tài sản: Chị T và anh Th không đề nghị Tòa giải quyết. Do vậy, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[V] Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị T ly hôn anh Phí Tiến Th.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phí Anh D, sinh ngày 05-01-20x; anh Phí Tiến Th trực tiếp nuôi dưỡng

con chung Phí Nguyên Q, sinh ngày 15-3-20y đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và chị T, anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng nhau.

Chị Chu Thị T, anh Phí Tiến Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm - ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0002390 ngày 13-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm - ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường Th,
Tp Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÁN TÒA

NGUYỄN THỊ THU

